

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày 18-11-2019
Về việc: Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Khánh.

Ông Bùi Ngọc Hà.

-Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Thắng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Cường -Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

Địa chỉ: Số 30, thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Kh, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Bị đơn:

Ông K'R, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Ka D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Bsut, xã B, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Lê Hồng Kh có mặt, vợ chồng ông K'B, bà Ka D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Di Linh, ông Lê Hồng Kh đại diện quỹ tín dụng nhân dân Đ trình bày:

Ngày 13-9-2017 Quỹ tín dụng nhân dân Đ có cho vợ chồng ông K'B và bà Ka D vay số tiền 180.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017 với lãi suất là 11,76%/năm, lãi suất quá hạn

17,64%, thời hạn vay 12 tháng, mức phạt chậm trả đối với nợ tiền lãi vay 10%/năm/số nợ lãi tiền vay chậm trả.

Mục đích vợ chồng ông K'B và bà Ka D vay tiền để chăm sóc cà phê. Khi vay vợ chồng ông K'B và bà Ka D có thể chấp: Diện tích đất 6.756m², tại thửa 23, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Diện tích đất 1.443m², tại thửa 32, tờ bản đồ 37, xã B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Bròi được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Diện tích đất 3.693m², tại thửa 191, tờ bản đồ 33, xã B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012.

Quá trình vay vợ chồng ông K'B và bà Ka D chỉ thanh toán được 6.321.000 đồng tiền lãi. Khi đến hạn không thanh toán tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi.

Nay yêu cầu vợ chồng ông K'B và bà Ka D có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến 18-11-2019 là: Tiền lãi trong hạn 14.847.000 đồng, tiền lãi quá hạn 37.493.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông K'B và bà Ka D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng Đ được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 1.000.000 đồng đã được Quỹ tín dụng nhân dân Đ thanh toán xong. Đề nghị vợ chồng ông K'B và bà Ka D trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền xem xét thẩm định 1.000.000 đồng.

Về tài liệu chứng cứ chứng minh là: Hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017, Giấy đề nghị vay vốn; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất số 865/2017/HĐTC ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Theo bản tự khai ông K'B trình bày: Ông công nhận vào ngày 13 tháng 9 năm 2017 vợ chồng ông có vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc như Quỹ tín dụng nhân dân Đ trình bày là đúng. Khi vay vợ chồng ông có thể chấp quyền sử dụng đất là 11.892m² đất trồng cà phê tại xã Bảo Thuận.

Quá trình vay vợ chồng ông mới thanh toán được 6.321.000 đồng tiền lãi.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu vợ chồng ông có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng thì ông đồng ý.

Đối với bà Ka D: Tòa án nhân dân huyện D đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bà Ka D đến Tòa án nhân dân huyện Di Linh để làm việc tuy nhiên bà Ka D không đến nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ buộc vợ chồng ông K'B và bà Ka D có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 52.340.000đ đồng.

Trường hợp vợ chồng ông K'B và bà Ka D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng Đ được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Diện tích đất 6.756m², tại thửa 23, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Diện tích đất 1.443m², tại thửa 32, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Diện tích đất 3.693m², tại thửa 191, tờ bản đồ 33, xã B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 để thu hồi nợ. Buộc vợ chồng ông K'B và bà Ka D trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền xem xét thẩm định tại 1.000.000 đồng.

Vợ chồng ông K'B và bà Ka D chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, ông K'B, bà Ka D vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là đã tự mình từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông K'B và bà Ka D phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 18-11-2019 là 232.340.000 đồng gồm tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 52.340.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 14.847.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.493.000 đồng) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017. Nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; Bộ luật Tố tụng

dân sự, đây là vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về tư cách của đương sự: Tại Hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017 thể hiện bên vay vốn là vợ chồng ông K'B và bà Ka D. Theo đơn khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện ông K'B với tư cách là bị đơn, bà Ka D với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân Đ, bị đơn là ông K'B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ka D là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét giá trị hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất giữa Quỹ tín dụng nhân dân Đ và vợ chồng ông K'B, bà Ka D thể hiện nội dung hợp đồng thể hiện đầy đủ số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, nghĩa vụ thanh toán của bên vay và biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay 180.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là: Diện tích đất 6.756m², tại thửa 23, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Diện tích đất 1.443m², tại thửa 32, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Diện tích đất 3.693m², tại thửa 191, tờ bản đồ 33, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Vợ chồng ông K'B, bà Ka D ký hợp đồng vay trong thời kỳ hôn nhân nên khoản vay là nợ chung của ông K'B, bà Ka D là đúng quy định.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông K'B, bà Ka D chỉ thanh toán cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền lãi 6.321.000 đồng. Do vợ chồng ông K'B, bà Ka D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thỏa thuận trong hợp đồng nên từ tháng 9-2018 Quỹ tín dụng nhân dân Đ đã chuyển khoản nợ của vợ chồng ông K'B, bà Ka D sang nợ quá hạn và áp dụng tính lãi quá hạn đối với số tiền vay 180.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông K'B, bà Ka D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp. Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông K'B, bà Ka D thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18-11-2019) là 232.340.000 đồng. Từ ngày 19-11-2019, vợ chồng ông K'B, bà Ka D còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka D thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng là

có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng ông K'B, bà Ka D thế chấp tài sản Diện tích đất 6.756m², tại thửa 23, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Diện tích đất 1.443m², tại thửa 32, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Diện tích đất 3.693m², tại thửa 191, tờ bản đồ 33, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012.

Xét thấy, tài sản thế chấp đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Đ về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp vợ chồng ông K'B và bà Ka D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Quỹ tín dụng nhân dân Đ có trách nhiệm giao trả cho vợ chồng ông K'B và bà Ka D bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 khi vợ chồng ông K'B, bà Ka D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng đã được Quỹ tín dụng nhân dân Đ thanh toán xong. Do yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Đ được chấp nhận nên vợ chồng ông K'B bà Ka D phải chịu chi phí tố tụng. Cần buộc vợ chồng ông K'B bà Ka D phải trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông K'B, bà Ka D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo quy định.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 254, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ đối với bị đơn ông K'B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ka D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

1.1 Buộc vợ chồng ông K'B và bà Ka D phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 18-11-2019 là 232.340.000 đ (hai trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) gồm tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 52.340.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 14.847.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 37.493.000 đồng).

Kể từ ngày 19-11-2019 vợ chồng ông K'B và bà Ka D còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 865/2017/HĐTD ngày 13-9-2017.

1.2 Quỹ tín dụng nhân dân Đ có trách nhiệm giao trả cho vợ chồng ông K'B và bà Ka D bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 khi vợ chồng ông K'B, bà Ka D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp vợ chồng ông K'B và bà Ka D không thanh toán nợ thì nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Đ có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Diện tích đất 6.756m², tại thửa 23, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AI 555184 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16 tháng 4 năm 2007; Diện tích đất 1.443m², tại thửa 32, tờ bản đồ 37, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số AM 863045 đứng tên ông K' Brôi được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 27 tháng 5 năm 2008; Diện tích đất 3.693m², tại thửa 191, tờ bản đồ 33, xã Bảo Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số BL 933564 đứng tên vợ chồng ông K'B và bà Ka D được Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 03 tháng 10 năm 2012 để thu hồi nợ.

2. Chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông K'B bà Ka D phải trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông K'B và bà Ka D phải chịu số tiền là 11.617.000đ (mười một sáu sáu trăm mười bảy nghìn đồng). Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 5.378.000 đ (năm triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014257 ngày 24-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Di Linh.

4. Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông K'B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ka D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn